

**CÔNG TY TNHH MTV
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI NINH THUẬN
MST: 4500140073**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 216/BC-CTKTTL

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 5 năm 2022

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2021**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận là đơn vị hoạt động công ích có nhiệm vụ bảo vệ, quản lý, khai thác các hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, cung cấp nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và dân sinh kinh tế cho nhân dân trong vùng hưởng lợi.

Trong năm 2021, tình hình thời tiết tương đối ổn định nhưng tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, và các cấp chính quyền địa phương, bằng những nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ, người lao động Công ty đã chủ động phòng ngừa dịch bệnh Covid-19 và tập trung phòng chống lụt bão, thực hiện việc điều tiết nước hợp lý, tiết kiệm tránh tình trạng hạn hán để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Với tinh thần vượt khó và nỗ lực không ngừng, trong năm 2021 Công ty đã đạt được một số kết quả chủ yếu sau:

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH
DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Giá trị thực hiện năm 2021
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
a)	Diện tích cung cấp nước	ha	71.684	73.377
b)	Khối lượng nước cung cấp	m ³	21.208.728	22.885.702
2	Tổng doanh thu	Tr đồng	84.657	90.885
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	4.366	6.095
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	4.099	5.234
5	Nộp ngân sách (số phát sinh phải nộp)	Tr đồng	1.722	5.143

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Giá trị thực hiện năm 2021
6	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích			
	<i>Diện tích cung cấp nước</i>	ha	71.684	73.377
8	Tổng lao động	Người	272	272
9	Tổng quỹ lương	Tr đồng	23.079	25.421
a)	Quỹ lương quản lý	Tr đồng	1.635	1.445
b)	Quỹ lương lao động	Tr đồng	21.444	23.976

1. Tổng diện tích cung cấp nước trong năm thực hiện là 73.377ha/71.684ha đạt 102% so với kế hoạch đã phê duyệt.

2. Khối lượng nước cung cấp cho sinh hoạt và công nghiệp: Sản lượng tiêu thụ trong năm là 22.885.702 m³/21.208.728 m³ đạt 108% so với kế hoạch đã phê duyệt.

3. Tổng doanh thu trong năm thực hiện là 90.885 triệu đồng/84.657 triệu đồng đạt 108% so với kế hoạch đã phê duyệt.

4. Lợi nhuận thực hiện năm:

- Lợi nhuận trước thuế là 6.095 triệu đồng/4.366 triệu đồng đạt 140% so với kế hoạch đã phê duyệt.

- Lợi nhuận sau thuế là 5.234 triệu đồng /4.099 triệu đồng đạt 119% so với kế hoạch đã phê duyệt.

5. Nộp ngân sách trong năm thực hiện là 5.143 triệu đồng/1.722 triệu đồng đạt 299% so với kế hoạch đã phê duyệt.

Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận:

+ Thuận lợi:

- Được Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đã tạo giảm bớt gánh nặng cho người nông dân. Tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị thủy nông tập trung chuyên cho công tác quản lý các công trình thủy lợi, nâng cao năng lực quản lý điều hành công trình đạt hiệu quả, từng bước củng cố, sắp xếp bộ máy tinh gọn phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

- Trong năm 2021, tình hình thời tiết tương đối ổn định nhưng tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, và các cấp chính quyền địa phương, bằng những nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ, người lao động Công ty đã chủ động phòng ngừa dịch bệnh Covid-19 và tập trung phòng chống lụt bão, thực hiện việc điều tiết nước hợp lý, tiết kiệm tránh tình trạng hạn hán để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

+ Khó khăn:

- Để có thể thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ khác nhau của Luật Thủy lợi mà vẫn đảm bảo theo khung thời gian theo quy định của pháp luật thì Công ty cần một nguồn kinh phí rất lớn, khoảng 50,8 tỷ đồng (16 nhiệm vụ cho 21 hồ chứa nước). Nguồn kinh phí thu được từ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi không đủ để đảm bảo thực hiện. Hiện nay, Công ty chỉ mới bố trí được 3,8 tỷ đồng để thực hiện một số nội dung theo quy định của Luật Thủy lợi.

- Công ty là đơn vị quản lý trực tiếp các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhưng lại không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều. Hiện nay, Công ty chỉ kiểm tra, kịp thời phát hiện vi phạm, nhắc nhở, lập biên bản vi phạm, yêu cầu đối tượng vi phạm khắc phục, hoàn trả hiện trạng công trình và thông báo tình hình đến địa phương, phối hợp cùng địa phương trong công tác xử lý vi phạm. Tuy nhiên nhiều địa phương còn thiếu sự quan tâm, phối hợp với Công ty trong việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi nên các hành vi vi phạm vẫn tồn tại, ngày càng phát sinh nhiều trường hợp khác gây khó khăn cho Công ty trong công tác quản lý, vận hành công trình.

- Trong những năm gần đây tình hình thời tiết diễn ra hết sức phức tạp, thường xuyên xảy ra hạn hán, tình ta cũng bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, lượng mưa ít, phân bố không đều các hồ chứa có dung tích nhỏ nhưng không tích đủ nước để phục vụ sản xuất.

- Một phần diện tích sản xuất lúa ở khu tưới các hồ chứa thì lớn hơn rất nhiều so với dung tích thiết kế nên các hồ chứa chỉ đủ nước phục vụ tưới được từ (1-2) vụ/năm.

- Diện tích sản xuất giảm do tốc độ đô thị hóa ngày càng nhiều, đặc biệt hiện nay nhiều dự án Điện mặt trời, điện gió được triển khai ở tỉnh ta, do đó trong thời gian tới sẽ làm giảm đáng kể diện tích sản xuất nông nghiệp làm ảnh hưởng đến khu tưới và làm giảm doanh thu của Công ty theo diện tích tưới tiêu.

- Hiệu quả của công tác chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng trên địa bàn tỉnh còn rất thấp, một số địa phương người dân không chuyển đổi cây trồng theo kế hoạch của địa phương gây lãng phí nguồn nước.

- Nhiều công trình thủy lợi được xây dựng từ những thập niên trước đến nay đã bị xuống cấp lạc hậu nên không phát huy được công năng theo thiết kế, gây thất thoát nguồn nước.

- Tình trạng vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi ngày càng nhiều đặc biệt nhiều công trình kênh mương bị lấn chiếm, xả rác, xả thải bừa bãi gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến công tác điều tiết nước phục vụ sản xuất.

- Gần 60% diện tích sản xuất trên địa bàn tỉnh phụ thuộc vào nguồn nước của hồ chứa nước Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Mặc dù Công ty đã chủ động làm việc với Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi nhưng do lưu lượng chạy máy không ổn định theo thời gian, nguồn nước chảy vào địa bàn tỉnh ta thông qua hệ thống đập dâng trên Sông Cái, khu tưới trái rộng trên địa bàn bốn huyện, thành phố khiến cho tình trạng thiếu nước cục bộ thường xuyên xảy ra ở vùng cuối kênh, vùng gò đồi.

- Về tiền lương: Công ty là doanh nghiệp hoạt động công ích, phục vụ nước tưới cho nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp ,... nên tiền lương của người lao động hoàn toàn phụ thuộc và việc cung cấp nước tưới cho nông nghiệp là chủ yếu chiếm hơn 70% tỷ trọng doanh thu và sản xuất công nghiệp, sinh hoạt. Mặc khác những năm vừa qua, tình hình hạn hán thường xuyên xảy ra, ngày càng khốc liệt do biến đổi khí hậu nên diện tích sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng rất lớn, diện tích sản xuất giảm nhiều do bỏ vụ làm giảm đáng kể tiền lương của người lao động trong Công ty. Dù vậy, để đảm bảo cho việc quản lý, bảo vệ an toàn hệ thống công trình thủy lợi phải vận hành liên tục để điều tiết nước phục vụ dân sinh kinh tế và chăn nuôi gia súc, thì Công ty phải bố trí người lao động trực 24/24 để bảo vệ vận hành. Do đó, việc thực hiện quỹ tiền lương dựa trên năng suất lao động và sản phẩm dịch vụ cung cấp nước tưới là chưa hợp lý đối với Công ty làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi trong năm gặp thiên tai hạn hán.

Ngoài ra, hiện nay người quản lý chuyên trách tại các Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ thuộc đối tượng nộp các khoản bảo hiểm bắt buộc theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng theo hệ số quy định tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý tại các Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Đồng thời theo quy định tại Điều 7, Thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 về hướng dẫn xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động trong công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu theo nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ “3. Mức lương cao nhất áp dụng đối với chức danh quản lý hoặc chức danh, công việc yêu cầu trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ cao nhất trong công ty. Công ty căn cứ hệ số lương của viên chức quản lý theo hạng công ty được xếp tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ để so sánh, xác định hệ số lương cao nhất khi xây dựng thang lương, bảng lương, bảo đảm hệ số lương của người lao động thấp hơn hệ số lương của viên chức quản lý, trừ một số lao động chuyên môn, kỹ thuật cao, chuyên gia, nghệ nhân của công ty.”

Do vậy mức lương, phụ được hưởng và đóng BHXH của người lao động cao phải xây dựng thấp hơn người quản lý. Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương mới từ năm 2013 áp dụng bảng lương mới theo mức lương tối thiểu vùng x hệ số + các loại phụ cấp theo quy định của chính phủ tuy nhiên điều bất cập là mức nộp BHXH của người quản lý công ty thời điểm 1/11/2021 (mức lương tối thiểu vùng 3 là: 3.430.000 đồng) cao gấp 2,3 lần mức nộp tháng 11/2021 (mức lương cơ sở 1.490.000 đồng). Theo hệ số nộp và mức nộp BHXH như vậy thì người quản lý thấp nhất tại công ty (Kế toán trưởng) thấp hơn người lao động. Điều này dẫn đến bất cập trong việc tính toán Quỹ lương làm cơ sở đóng BHXH của Công ty, Quỹ BHXH do người sử dụng lao động chi trả cũng như quyền lợi của người quản lý Công ty sau khi nghỉ hưu hoặc hưởng các chế độ phúc lợi khác theo mức đóng BHXH.

Nhằm gia tăng hiệu quả công việc năng suất lao động cũng như nâng cao đời sống, đảm bảo ổn định thu nhập cho người lao động và đảm bảo quyền lợi của người lao động và người quản lý sau khi nghỉ hưu, Công ty kính đề nghị Bộ lao động thương binh xã hội cho phép Công ty căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quỹ tiền lương, được chủ động nâng mức đóng bảo hiểm xã hội cho người quản lý phù hợp hệ số tiền lương, các khoản phụ cấp tiền lương, và các khoản đóng bảo hiểm xã hội của người lao động.

- Về lao động: Công ty là đơn vị hoạt động công ích hoạt động quản lý khai thác các công trình thủy lợi việc thực hiện khai thác, phân cấp quản lý theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP quy định về phân loại, phân cấp công trình thủy lợi; năng lực của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi,... phải bố trí lao động phù hợp theo số lượng, năng lực theo quy định của Nghị định trên. Đồng thời theo quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH là hàng năm chỉ tăng không quá 5% so với số lao động của năm trước liền kề.

Đây là một trong những khó khăn rất lớn đối với việc quản lý lao động của Công ty, bên cạnh hàng năm đều được Ủy ban nhân dân tỉnh bàn giao quản lý công trình thủy lợi như hồ, đập, trạm bơm nhưng diện tích thì chưa được người dân khai thác mở rộng sản xuất, nhưng Công ty phải bố trí lao động quản lý, bảo vệ, vận hành làm giảm năng suất lao động bình quân dẫn đến giảm quỹ tiền lương ảnh hưởng đến đời sống của người lao động trong Công ty ngày càng khó khăn.

- Về cơ chế chính sách khen thưởng phúc lợi:

Theo quy định tại Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính có quy định Doanh nghiệp thực hiện hình thức giao nhiệm vụ không sử dụng kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích để trích 02 quỹ khen thưởng phúc lợi. Do đó các năm qua Công ty không đủ nguồn để trích lập 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi cho người lao động. Đồng thời về phía Ngân sách tỉnh cũng còn khó khăn, không có nguồn để hỗ trợ phân còn thiếu cho Công ty theo quy định tại Thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018. Vì vậy, Công ty không có nguồn đủ chi khen thưởng, phúc lợi tạo điều kiện tăng thu nhập cho người lao động theo quy định.

- Về phần lợi nhuận còn lại phải nộp sau khi trích lập các quỹ:

Hiện nay, Công ty chưa tách được chi phí cho hoạt động sản phẩm dịch vụ thủy lợi công ích và dịch vụ thủy lợi khác nên Công ty thực hiện phân bổ theo tiêu thức doanh thu do đó phần lợi nhuận phân bổ cho hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi công ích Công ty không được trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi nên Công ty phải nộp phần lợi nhuận còn lại sau thuế sau khi trích lập các quỹ về ngân sách nhà nước và phải nộp về ngân sách nhà nước theo quy định của Thông tư số 73/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Như vậy theo quy định của Thông tư số 73/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính, Công ty không còn nguồn trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và cũng không đủ nguồn để thực hiện duy tu sửa chữa các công trình thủy lợi xuống cấp, hư hỏng,.... Trong khi đó thì phần lợi nhuận còn lại từ nguồn sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi sau khi phân bổ đều phải nộp về ngân sách nhà nước.

- Về giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác:

Hiện nay, Công ty vẫn đang áp dụng giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo giá được Chính phủ quy định từ những năm 2012, đến giai đoạn này đã gần 10 năm, hiện tại giá này đã không còn phù hợp với giá cả thực tế hiện nay (giá cả đã biến động thay đổi tăng theo thời gian rất nhiều trung bình khoảng 4%/ năm)

Việc các Bộ ngành Trung ương quy định các Công ty khai thác công trình thủy lợi tính đúng tính đủ giá các sản phẩm dịch vụ thủy lợi trình Bộ phê duyệt gặp rất nhiều khó khăn:

Thứ nhất, các Công ty khai thác công trình thủy lợi có nguồn doanh thu chính từ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi do ngân sách cấp thì dựa trên tình hình tài chính hiện có để cân đối thu chi, phân bổ cho các chi phí tu sửa công trình cấp thiết, các chi phí tiền lương cho người lao động, chi phí hoạt động khác,.... và không để doanh nghiệp lỗ. Do đó các chi phí thực tế để áp dụng tính đúng, tính đủ làm cơ sở đưa vào giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi là chưa đủ cơ sở và hợp lý.

Thứ hai, việc tính đúng tính đủ Công ty dựa vào định mức kinh tế kỹ thuật áp vào giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi thì cục quản lý giá không thống nhất vì không đủ hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ làm cơ sở tính giá sản phẩm dịch vụ,.... Do đó, kể từ năm 2019 đến nay Công ty vẫn trình Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cho áp dụng mức giá từ năm 2012 và chưa có bảng giá mới phù hợp với tình hình thực tế như giá các mặt hàng thiết yếu hiện nay.

Thứ ba, việc trích khấu hao của các công trình thủy lợi hiện nay, Công ty thực hiện là không trích khấu hao theo Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính. Đồng thời theo Thông tư 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính đã quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thủy lợi có hiệu lực từ năm 2019. Nên kể từ năm 2019

nay Công ty chỉ thực hiện theo dõi hao mòn các công trình thủy lợi do Công ty quản lý mà không đưa vào chi phí của Công ty (vì giá trị hao mòn là rất lớn).

- Về việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cho đơn vị:

Việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng là hệ thống các công trình thủy lợi hiện nay Công ty gặp một số khó khăn, bất cập như các công trình hầu hết đều do các đơn vị khác làm chủ đầu tư sau khi hoàn thành thì hoàn thiện thủ tục giao cho công ty quản lý khai thác sử dụng trong quá trình nâng cấp sửa chữa Công ty không tham gia các công tác như phá bỏ, tháo dỡ, san lấp mà Công ty chỉ tiếp nhận sau khi hoàn công. Trong khi đó có một số các công trình công ty đã ghi nhận theo dõi sổ sách kế toán các công trình kênh mương trước đó, vì vậy có một số các công trình đã được thay mới bằng một hệ thống khác mà hệ thống kênh mương cũ vẫn còn trên sổ sách việc này là một trong những bất cập trong công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng trên thực tế và sổ kế toán của Công ty.

Qua vấn đề trên Công ty nhận thấy cần thiết thành lập Hội đồng thẩm định, đánh giá, rà soát hệ thống kết cấu hạ tầng công trình thủy lợi để đánh giá hệ thống quản lý, giá trị của các công trình thủy lợi hiện nay.

- Khí hậu của Ninh Thuận vô cùng khắc nghiệt là một vùng đất chỉ có nắng và gió, lượng mưa ít, mùa khô kéo dài thường xảy ra hạn hán; mùa mưa có lượng mưa không đều thường xảy ra những trận lũ, lụt lớn làm một số công trình hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh bị xuống cấp, hư hỏng phải khẩn trương tu sửa, khắc phục kịp thời để đảm bảo phục vụ sản xuất cho người dân.

- Do ý thức người dân còn kém, chưa có chế tài cụ thể trong việc xả rác không đúng nơi quy định nên lượng rác thải trên các hệ thống kênh mương rất nhiều gây cản trở dòng chảy, ô nhiễm môi trường. Công ty không những bố trí nguồn nhân lực thường xuyên trên kênh để vớt cây cối, rác thải nhằm khơi thông dòng chảy để kịp thời phục vụ nước sản xuất mà còn hỗ trợ chi phí cho các xã phường thuê nhân công vớt rác tại các vị trí tập trung nhiều rác thải.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên: Không có.

2. Các khoản đầu tư tài chính: không có.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: KHÔNG CÓ.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: TT&TT, Tài chính, NN&PTNT;
- Cổng thông tin điện tử của công ty;
- Chủ tịch, KSV, BGĐ công ty;
- Phòng TC-HC (T/h công bố thông tin);
- Phòng Tài vụ;
- Lưu: VT, KHKT. HTT



Nguyễn Công Xung

